Số: 646/KH-UBND
Thời gian ký: 2026-11-02T22:25:27+07:00

PHỤ LỤC
CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRỢ GIÚP NGƯỜI KHUYẾT TẬT GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
1. TRUYỀN THÔNG NÂNG CAO NHẬN THỨC XÃ HỘI					
1.1	Đa dạng hóa các hình thức truyền thông tạo chuyển biến sâu sắc, thống nhất trong nhận thức của toàn xã hội về công tác bảo vệ, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật chuyển từ "y tế - chăm sóc" sang tiếp cận "xã hội - hòa nhập", hướng đến việc loại bỏ định kiến, giảm bất bình đẳng, mở rộng cơ hội và trao quyền cho người khuyết tật, đóng góp bình đẳng vào sự phát triển của xã hội.	Sở Y tế	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên; Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường.	Kế hoạch/Chương trình và các sản phẩm truyền thông về công tác trợ giúp người khuyết tật.	Hằng năm
1.2	Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí lồng ghép tuyên truyền hiệu quả các quan điểm, mục tiêu tại Quyết định số 1190/QĐ-TTg, các nội dung của Công ước CRPD và Kế hoạch tăng cường thực thi hiệu quả Công ước CRPD theo Quyết định số 916/QĐ-TTg ngày 21/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Y tế	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên; Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường.	Kế hoạch/Chương trình và các sản phẩm truyền thông về công tác trợ giúp người khuyết tật.	Hằng năm
1.3	Tuyên truyền, khuyến khích khơi dậy phong trào tham gia bảo vệ, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật; kịp thời khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các mô hình, cá nhân hoạt động hiệu quả, tiêu biểu ở các địa phương.	Sở Y tế	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên; Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường.	Các mô hình tự lực tiêu biểu được khen thưởng, vinh danh.	Hằng năm

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
1.4	Thiết kế nội dung và phương pháp tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể. Đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm truyền thông sử dụng ngôn ngữ ký hiệu, phụ đề, chữ nổi Braille hoặc các định dạng kỹ thuật số dễ truy cập, dễ đọc, dễ hiểu nhằm bảo đảm mọi dạng khuyết tật đều tiếp cận được thông tin.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Xây dựng; Sở Y tế; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên.	Kế hoạch/Chương trình và các sản phẩm truyền thông về công tác trợ giúp người khuyết tật.	Hằng năm
2. TRỢ GIÚP Y TẾ, CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG					
2.1	Thực hiện các dịch vụ phát hiện sớm những khiếm khuyết ở trẻ trước khi sinh và trẻ sơ sinh; tuyên truyền, tư vấn và cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản.	Sở Y tế	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên; Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường.	Số trẻ được phát hiện sớm, can thiệp.	Hằng năm
2.2	Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật, phục hồi chức năng và phẫu thuật chỉnh hình, cung cấp dụng cụ trợ giúp cho người khuyết tật.	Sở Y tế	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên; Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường.	Hình thành mạng lưới cung cấp dịch vụ tầm soát, phục hồi chức năng cho người khuyết tật.	Hằng năm
2.3	Xây dựng tài liệu hướng dẫn phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng đối với người khuyết tật; lập hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử cho người khuyết tật tại các trạm y tế xã, phường để theo dõi và hỗ trợ kịp thời.	Sở Y tế	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên; Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường.	Tài liệu hướng dẫn phục hồi chức năng; người khuyết tật được lập sổ theo dõi tại trạm y tế.	2026-2030
3. TRỢ GIÚP GIÁO DỤC					

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
3.1	Tiếp tục hoàn thiện các văn bản chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật, bảo đảm giáo dục bắt buộc ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, phổ cập giáo dục trung học và tương đương đối với người khuyết tật và thúc đẩy thực hiện chính sách ưu đãi đối với giáo viên, nhân viên tham gia giáo dục trẻ khuyết tật.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; Các đơn vị liên quan.	Văn bản về ưu đãi/phụ cấp đặc thù cho giáo viên và nhân viên giáo dục hòa nhập được thực hiện.	2026-2030
3.2	Nghiên cứu, xây dựng, phát triển chương trình học tập, học liệu giáo dục hỗ trợ cấp học mầm non và phổ thông đáp ứng nhu cầu đa dạng của người khuyết tật.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị liên quan; UBND các xã, phường.	Học liệu và chương trình học liệu tiếp cận phổ quát cho các cấp học.	2026-2030
3.3	Phát triển các mô hình giáo dục đối với người khuyết tật, hệ thống các cơ sở giáo dục đối với người khuyết tật hoạt động có hiệu quả từ trung ương đến địa phương phù hợp với nhu cầu đa dạng của người khuyết tật: phát hiện sớm, can thiệp giáo dục sớm, giáo dục đối với người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục, giáo dục người khuyết tật tại gia đình và cộng đồng, giáo dục từ xa.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Các đơn vị liên quan; UBND các xã, phường.	Hệ thống các mô hình/cơ sở giáo dục đa dạng cho người khuyết tật đi vào hoạt động.	2026-2030
3.4	Rà soát, cập nhật, quản lý dữ liệu về nhu cầu giáo dục của người khuyết tật vào phần mềm quản lý hệ thống hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Các đơn vị liên quan; UBND các xã, phường.	Phần mềm/kho dữ liệu quản lý giáo dục người khuyết tật được số hóa và kết nối đồng bộ.	2026-2030
4. TRỢ GIÚP GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, TẠO VIỆC LÀM VÀ HỖ TRỢ SINH KẾ					
4.1	Đánh giá, xây dựng tài liệu tập huấn và tuyên truyền nhân rộng các mô hình hỗ trợ sinh kế, mô hình hỗ trợ người khuyết tật khởi nghiệp hiệu quả.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế	Sở Nội vụ; UBND các xã, phường.	Kế hoạch/Chương trình triển khai thực hiện hằng năm.	2026-2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
4.2	Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo nghề đối với người khuyết tật linh hoạt về thời gian, địa điểm, tiến độ đào tạo phù hợp với nghề đào tạo, hình thức đào tạo thông qua các cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp hoặc các tổ chức của người khuyết tật; các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có sử dụng lao động là người khuyết tật hoặc của người khuyết tật.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Các đơn vị liên quan; UBND các xã, phường.	Văn bản hướng dẫn đào tạo nghề/việc làm đặc thù; báo cáo thống kê nhu cầu học nghề của người khuyết tật.	2026-2030
4.3	Ưu tiên bố trí và giải ngân nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội từ Ngân hàng Chính sách xã hội cho thanh niên khuyết tật khởi nghiệp, phụ nữ khuyết tật, người khuyết tật và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.	Sở Nội vụ, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	Sở Y tế; Các đơn vị liên quan; UBND các xã, phường.	Báo cáo kết quả giải ngân vốn tín dụng ưu đãi.	Hằng năm
5. TRỢ GIÚP TIẾP CẬN CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, GIAO THÔNG CÔNG CỘNG					
5.1	Đẩy mạnh các biện pháp thực thi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 10:2024/BXD về xây dựng công trình bảo đảm tiếp cận sử dụng trong các công tác thẩm tra, thẩm định, nghiệm thu, thanh tra, kiểm tra trong hoạt động xây dựng.	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan; UBND các xã, phường.	Các công trình tiếp cận.	2026-2030
5.2	Tăng cường năng lực hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về giao thông tiếp cận để người khuyết tật có thể tiếp cận, sử dụng.	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan; UBND các xã, phường.	Số công trình/tuyến giao thông được tiếp cận.	Hằng năm
5.3	Xây dựng các tuyến mẫu và nhân rộng các xe vận tải hành khách công cộng để người khuyết tật tham gia giao thông.	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan; UBND các xã, phường.	Số tuyến vận tải được tiếp cận.	2026-2030
5.4	Khảo sát, đánh giá thực trạng bảo đảm tiếp cận của hệ thống giao thông công cộng và nhu cầu tham gia giao thông của người khuyết tật phục vụ cho việc xây dựng chiến lược giao thông tiếp cận đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan; UBND các xã, phường.	Báo cáo đánh giá.	2026-2030
6. TRỢ GIÚP TIẾP CẬN VÀ SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG					

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
6.1	Phát triển các công cụ, sản xuất tài liệu phục vụ đào tạo người khuyết tật tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển các hệ thống, giải pháp giáo dục, đào tạo trực tuyến dành cho người khuyết tật bao gồm giáo dục văn hóa phổ thông các cấp và đào tạo nghề.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Các đơn vị liên quan.	Số tài liệu đào tạo sử dụng công nghệ; số chương trình đào tạo trực tuyến dành cho người khuyết tật tiếp cận.	2026-2030
6.2	Nghiên cứu phát triển các công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông; nghiên cứu phát triển các công nghệ hỗ trợ người khuyết tật hòa nhập cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống của người khuyết tật.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Các đơn vị liên quan.	Số người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin.	Hằng năm
7. TRỢ GIÚP PHÁP LÝ					
7.1	Tăng cường thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý; phối hợp với Trung tâm và các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương trong việc hỗ trợ và trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật.	Sở Tư pháp	Sở Khoa học và Công nghệ; Các đơn vị liên quan.	Số người khuyết tật được trợ giúp pháp lý.	Hằng năm
7.2	Xây dựng các chương trình, tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tăng cường năng lực cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý và những người phối hợp trong trợ giúp pháp lý với người khuyết tật.	Sở Tư pháp	Các đơn vị liên quan; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên.	Chương trình, tài liệu và số cán bộ được tập huấn trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật.	Hằng năm
7.3	Tăng cường, đổi mới truyền thông về trợ giúp pháp lý theo hướng đa dạng các hình thức, biện pháp, cách thức, nội dung truyền thông về trợ giúp pháp lý bằng nhiều hình thức phù hợp cho người khuyết tật.	Sở Tư pháp	Sở Khoa học và Công nghệ; Các đơn vị liên quan.	Số người khuyết tật được trợ giúp pháp lý.	Hằng năm
8. HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH					

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
8.1	Hướng dẫn thành lập và phát triển hệ thống câu lạc bộ thể dục, thể thao người khuyết tật.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên.	Số câu lạc bộ thể thao người khuyết tật được hình thành.	2026-2030
8.2	Hoàn thiện và phát triển 15 môn thể thao dành cho người khuyết tật tập luyện, thi đấu.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên.	Số môn thể thao được hình thành và tập luyện.	2026-2030
8.3	Hướng dẫn, chỉ đạo hệ thống thư viện trên địa bàn tỉnh hình thành môi trường đọc thân thiện, đa dạng hóa các dịch vụ và sản phẩm thông tin, thư viện và các điều kiện để hỗ trợ người khuyết tật khai thác, sử dụng thư viện.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên.	Số thư viện hình thành môi trường đọc thân thiện và bảo đảm điều kiện để người khuyết tật sử dụng.	Hằng năm
8.4	Tăng cường ứng dụng công nghệ để người khuyết tật có thể nắm được thông tin về các điểm tham quan du lịch, nhà hàng, khách sạn, phương tiện và mức độ tiếp cận các điểm này với người khuyết tật.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên.	Số điểm tham quan, nhà hàng, khách sạn tiếp cận.	2026-2030
8.5	Tập huấn nghiệp vụ chuyên môn về lĩnh vực thể dục thể thao người khuyết tật cho các đối tượng: trọng tài, huấn luyện viên, bác sĩ khám phân loại thương tật, hướng dẫn viên, cán bộ hội người khuyết tật; tập huấn đào tạo kỹ năng biểu diễn nghệ thuật dành cho người khuyết tật; tập huấn nghiệp vụ cho các hướng dẫn viên chuyên biệt về kỹ năng, phương pháp hỗ trợ người khuyết tật khi tham gia các hoạt động du lịch.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên.	Số trọng tài, huấn luyện viên, bác sĩ khám phân loại thương tật,... được tập huấn.	2026-2030
9. PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH, GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI VÀ HỖ TRỢ SỐNG ĐỘC LẬP					

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
9.1	Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật, người khuyết tật và tổ chức của người khuyết tật trong phòng, chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai.	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường.	Kế hoạch tổ chức hướng dẫn và tập huấn; cán bộ làm công tác người khuyết tật được tập huấn.	Hằng năm
9.2	Nghiên cứu, đánh giá, hướng dẫn xây dựng mô hình lồng ghép người khuyết tật trong phòng, chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Y tế; UBND các xã, phường.	Kế hoạch/Chương trình thực hiện.	2026-2030
9.3	Vận động nguồn lực hỗ trợ các trang thiết bị, dụng cụ trợ giúp đối với người khuyết tật: xe lăn, xe lắc, khung tập đi, gậy, máy trợ thính, chân giả, tay giả và các thiết bị cần thiết.	Sở Y tế	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên; Vận động doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.	Rà soát số người khuyết tật cần được hỗ trợ thiết bị cần thiết.	Hằng năm
9.4	Xây dựng tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn phát hiện, sàng lọc, tư vấn sử dụng, bảo quản thiết bị trợ giúp người khuyết tật cho cán bộ trợ giúp người khuyết tật, gia đình và người khuyết tật.	Sở Y tế	UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan.	Xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn cho cán bộ trợ giúp người khuyết tật.	Hằng năm
9.5	Nghiên cứu xây dựng mô hình "cây gậy trắng" chỉ dẫn thông minh đối với người khiếm thị và mô hình sống độc lập và hòa nhập cộng đồng (khảo sát, đánh giá, nghiên cứu, tập huấn sử dụng cây gậy trắng, tập huấn tiếp cận các chính sách, vận động nguồn lực, kết nối dạy nghề, việc làm, hỗ trợ sinh kế, v.v…).	Sở Y tế	Các sở, ngành có liên quan; Hội Người mù tỉnh; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên.	Rà soát số người khuyết tật có nhu cầu được tham gia mô hình.	2026-2030
10. TRỢ GIÚP PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT					

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
10.1	Vận động, thực hiện chính sách liên quan tới phụ nữ khuyết tật (rà soát, đánh giá để đề xuất chính sách; nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu phân tách theo giới, tuổi, dạng khuyết tật và các đặc điểm liên quan; truyền thông, giáo dục, vận động nâng cao nhận thức cộng đồng; tăng cường lồng ghép giới trong các chương trình về người khuyết tật; nâng cao năng lực cán bộ Hội các cấp trong hỗ trợ phụ nữ khuyết tật…).	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên; UBND các xã, phường.	Dữ liệu phân tách theo giới, tuổi, dạng khuyết tật và các đặc điểm liên quan; các chương trình hỗ trợ phụ nữ khuyết tật; cán bộ Hội được tập huấn.	Hằng năm
10.2	Triển khai các hoạt động nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ khuyết tật (nâng cao kiến thức, kỹ năng; phát triển mạng lưới; chia sẻ kinh nghiệm; các hoạt động an sinh xã hội; rà soát, đánh giá các mô hình hiện có và thí điểm một số mô hình/hoạt động mới…); hỗ trợ phụ nữ khuyết tật nâng cao năng lực, kỹ năng số, kỹ năng tham gia xã hội.	Sở Nội vụ, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Các đơn vị liên quan; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên; UBND các xã, phường.	Số phụ nữ khuyết tật được hỗ trợ, số mô hình.	2026-2030
10.3	Tăng cường phối hợp liên ngành trong các hoạt động hỗ trợ phụ nữ khuyết tật.	Sở Nội vụ, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Các đơn vị liên quan; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên; UBND các xã, phường.	Số chương trình phối hợp.	Hằng năm
11. NÂNG CAO NHẬN THỨC, NĂNG LỰC CHĂM SÓC, HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ					
11.1	Tập huấn cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp người khuyết tật; gia đình người khuyết tật về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho người khuyết tật; tập huấn các kỹ năng sống cho người khuyết tật.	Sở Y tế	Các sở, ngành liên quan; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên; UBND các xã, phường.	Số cán bộ, gia đình người khuyết tật được tập huấn.	Hằng năm
11.2	Quản lý và sử dụng phần mềm quản lý thông tin về người khuyết tật.	Sở Y tế	UBND các xã, phường.	Số liệu về người khuyết tật.	Hằng năm

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
11.3	Kiểm tra, giám sát và tổng hợp, định kỳ báo cáo Cục Bảo trợ xã hội.	Sở Y tế	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường.	Kế hoạch/báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá.	Hằng năm